***DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRANG WEB GIỚI THIỆU CẢNH ĐẸP VIỆT NAM***

***ĐỊA DANH: PHỐ CỔ HỘI AN – ĐÔ THỊ CỔ VĂN HÓA CỦA THẾ GIỚI***

\*\*\*\*Dòng này là giới thiệu, làm kiểu như cái bang rôn chạy dưới chỗ “Nơi thời gian ngưng đọng và ký ức hội tụ”:

Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ và là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo. \*\*\*\*

1. **Vị trí địa lý:**

* Do phía Bắc được ngăn bởi dải Hoành Sơn, phía Tây được che bởi khối núi Bắc tỉnh Kon Tum nên cũng như các địa phương khác của Quảng Nam và các tỉnh, thành phố lân cận, Hội An nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa vùng Nam Hải Vân, mang tính chất khí hậu ven biển Miền Trung, nóng ẩm, mưa nhiều và mưa theo mùa, có nền nhiệt độ cao, nắng nhiều, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông.

1. **Khí hậu:**

* Nhiệt độ: Hội An không có mùa đông lạnh. Mùa khô từ khoảng tháng 2 đến tháng 8, mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng Giêng năm sau. Nhiệt độ không khí ở Hội An lệ thuộc nhiều vào khí hậu nhiệt đới gió mùa (gió mùa đông bắc, gió mùa tây nam, gió mùa đông – đông nam) và chế độ mưa. Nhiệt độ trung bình năm là 25,60C; nhiệt độ cao nhất: 39,80C; nhiệt độ thấp nhất: 22,80C.
* Độ ẩm: Độ ẩm tương đối trung bình năm: 83%, mùa khô 75%, mùa mưa 85%. Khí hậu Hội An có đặc điểm nóng ẩm, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa bão và mùa nắng nóng kết hợp thêm tính chất khí hậu duyên hải Miền Trung.
* Lượng mưa, bão: Tổng lượng mưa bình quân 2.504,57 mm/năm, lượng mưa cao nhất vào tháng 10, 11 (550-1.000 mm/tháng), thấp nhất vào các tháng 1, 2, 3, 4 (23-40 mm/tháng). Bão ở Hội An thường xuất hiện vào các tháng 9, 10, 11 hằng năm; các cơn bão thường kéo theo những trận mưa lớn gây lũ lụt toàn khu vực.
* Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình: 2.107 mm/năm. Lượng bốc hơi tháng lớn nhất: 241 mm. Lượng bốc hơi tháng ít nhất: 119 mm.
* Số giờ nắng: Bình quân số giờ nắng trong năm là 2.156,2 giờ. Số giờ chiếu nắng nhiều nhất là vào tháng 5- 6. Số giờ chiếu nắng trung bình 234-277 giờ/tháng. Số giờ chiếu nắng ít nhất vào tháng 11, 1. Trung bình số giờ nắng trong năm từ 69-165 giờ/tháng.
* Mây: Trung bình vân lượng toàn thể: 5,3. Trung bình vân lượng hạ tầng: 3,3.
* Gió: Chế độ gió cũng có hai mùa rõ rệt: Gió mùa đông từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, gió mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9. Hướng gió thịnh hành mùa hè: Đông. Hướng gió thịnh hành mùa Đông: Bắc và Tây Bắc. Tốc độ gió trung bình: 3,3 m/s. Tốc độ gió mạnh nhất: 40 m/s. Chế độ gió có 2 mùa rõ rệt.

1. **Tiếp giáp**
2. **Lịch sử:**
3. **Trước thế kỷ II**

* Kết quả nhiều cuộc thăm dò, quan sát các [di tích mộ táng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Di_t%C3%ADch_m%E1%BB%99_t%C3%A1ng&action=edit&redlink=1): Bãi Ông; Hậu Xá I, II; An Bàng; Xuân Lâm và các di chỉ cư trú: Hậu Xá I; Đồng Nà; Cẩm Phô I; Trảng Sỏi; Lăng Bà; Thanh Chiếm đã cung cấp nhiều thông tin quý về thời Tiền sử và thời [văn hóa Sa Huỳnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a_Sa_Hu%E1%BB%B3nh) muộn. Ngoài di tích Bãi Ông có niên đại hơn 3.000 năm, thuộc thời Tiền sử (Tiền Sa Huỳnh), các di tích còn lại đều trên dưới 2.000 năm, tức là vào giai đoạn hậu kỳ Sa Huỳnh.
* Những bộ sưu tập hiện vật quý được thu thập từ các [di tích](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di_t%C3%ADch) [khảo cổ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BA%A3o_c%E1%BB%95_h%E1%BB%8Dc) là các loại thuộc về công cụ sinh hoạt, lao động sản xuất, chiến đấu, trang sức, tín ngưỡng... bằng các chất liệu gốm, đồng, sắt, đá, thủy tinh. Đặc biệt còn có cả những tiền đồng Trung Quốc: Ngũ Thù; Vương Mãng cùng với các đồ trang sức mã não, thủy tinh có gốc gác từ Nam [Ấn Độ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99), [Sri Lanka](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sri_Lanka), [Trung Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_%C4%90%C3%B4ng), chứng tỏ cách đây 2.000 năm, dân cư ở đây đã có nghề trồng lúa nước, khai thác thủy sản và làm các nghề thủ công. Đồng thời cũng thể hiện rõ mối quan hệ giao lưu văn hóa trong nước cùng các hoạt động buôn bán với nước ngoài, lập nên một cảng-thị sơ khai, là nền móng cho các cảng-thị sau này.

1. **Thế kỷ II - Thế kỷ XV**

* Kế tiếp dân cư Sa Huỳnh cổ là dân cư [Chăm Pa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C4%83m_Pa) với nền văn hoá rực rỡ, mở đầu thời kỳ vàng son cho một Cảng-Thị hưng thịnh. Những cái tên Chiêm Bất Lao ([Cù Lao Chàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B9_lao_Ch%C3%A0m)), Đại Chiêm Hải Khẩu ([Cửa Đại](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%ADa_%C4%90%E1%BA%A1i,_H%E1%BB%99i_An)), Cachiam cùng với những tượng đá, giếng gạch và dấu vết nền tháp, đặc biệt trong các di chỉ khảo cổ học với các hiện vật gốm sứ Chăm Pa, Ả Rập, Trung Quốc; các đồ trang sức từ [Trung Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_%C4%90%C3%B4ng), [Ấn Độ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99) và nhiều tài liệu, [thư tịch cổ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C6%B0_t%E1%BB%8Bch_c%E1%BB%95&action=edit&redlink=1) [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), [Ả Rập](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi_%E1%BA%A2_R%E1%BA%ADp), [Ấn Độ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99), Ba Tư xác nhận vùng Cửa Đại xưa kia là hải cảng chính của nước Chăm Pa. Vùng Lâm Ấp phố là nơi các chiến thuyền ngoại quốc thường ghé lấy nước ngọt từ những giếng Chăm Pa rất ngon và trong; trao đổi sản vật như trầm hương, quế, ngọc ngà, thủy tinh, tơ lụa, đồi mồi, xà cừ.

1. **Thế kỷ XV - Thế kỷ XIX**

* Tiếp nối thời Chăm Pa, khoảng cuối thế kỷ XV, Hội An đã có dân cư Đại Việt tới sinh sống. Trong buổi đầu cùng với việc khai hoang, lập làng, người Việt còn sáng tạo ra một số ngành nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội nơi đây. Từ cuối thế kỷ XVI - thế kỷ XVII, có thêm nhiều người Hoa và người Nhật đến định cư, giúp thương nghiệp Hội An phát triển. Kết hợp với vị trí địa lý phù hợp, Hội An nhanh chóng trở thành một thương cảng phồn thịnh trong nhiều thế kỷ.

1. **Thời kỳ suy vong**

* Thế kỷ 18, khi cuộc khởi nghĩa [Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n) diễn ra ở miền Nam, chúa Trịnh xuất quân đánh chiếm Quảng Nam dinh năm 1775, cảng thị Hội An rơi vào cảnh chiến tranh loạn lạc. Sau khi chiếm được Hội An, quân Trịnh đã triệt phá những nhà cửa thuộc khu vực thương mại, chỉ để lại các công trình tín ngưỡng. Nhiều nhân vật quan trọng của dòng họ Nguyễn cùng những thương gia người Hoa giàu có đã di cư vào miền Nam, mang theo của cải và lập nghiệp tại [Sài Gòn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) - [Chợ Lớn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A3_L%E1%BB%9Bn), để lại một Hội An điêu tàn, đổ nát. Năm 1778, một người Anh Charles Chapman đi qua đây sau thời Tây Sơn đã ghi lại: "Khi tới Hội An, thành phố lớn này chẳng còn lại là bao những khu phố được quy hoạch quy củ với những ngôi nhà xây bằng gạch, đường lát đá mà chỉ thấy một cảnh hoang tàn làm cho ta cảm thấy xót xa. Trời ơi, những công trình ấy bây giờ chỉ còn đọng lại trong ký ức mà thôi." Khoảng 5 năm sau, dưới thời [nhà Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n), cảng thị Hội An mới dần dần hồi sinh, hoạt động thương mại được phục hồi nhưng không được như trước. Người Việt cùng người Hoa cùng xây lại thành phố từ những đống đổ nát cũ, những ngôi nhà mới mọc lên theo kiến trúc của họ và vô tình, dấu vết của khu phố Nhật Bản đã bị xóa đi mãi mãi.
* Thế kỷ 19, cửa sông Cửa Đại ngày càng bị thu hẹp lại và con sông Cổ Cò cũng bị phù sa bồi lấp, khiến các thuyền lớn không còn ghé được cảng Hội An. Bên cạnh đó, triều đình [nhà Nguyễn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Nguy%E1%BB%85n) cũng thực hiện chính sách đóng cửa, hạn chế quan hệ với nước ngoài, đặc biệt các quốc gia phương Tây. Từ đó, Hội An dần suy thoái, mất đi vị thế cảng thị quốc tế quan trọng. Mặc dù vậy, với vai trò một trung tâm thương nghiệp lớn, thành phố vẫn được phát triển, những con đường mới về phía Nam dòng sông được xây dựng và các khu phố được mở rộng thêm. Năm [Minh Mạng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_M%E1%BA%A1ng) thứ 5, nhà vua có qua Hội An, nhận thấy nơi đây không còn sầm uất như xưa, nhưng vẫn hưng thịnh hơn các thị trấn khác của người Việt.

1. **Giai đoạn 1858 đến 1975**

* Dưới thời [Pháp thuộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_thu%E1%BB%99c), [Đà Nẵng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng) là nhượng địa, còn [Quảng Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam) được hưởng quy chế bảo hộ. Bên cạnh chính quyền Nam triều còn có chính quyền bảo hộ của [thực dân Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_qu%E1%BB%91c_th%E1%BB%B1c_d%C3%A2n_Ph%C3%A1p), mà đứng đầu là công sứ Pháp kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng tỉnh Quảng Nam, đóng tòa sứ tại Hội An cùng các cơ quan đầu não của bộ máy chính quyền bảo hộ. Trong các thời kỳ tiếp sau, Hội An được chọn làm tỉnh lị của Quảng Nam.

1. **Giai đoạn 1975 đến nay**

* Sau ngày đất nước thống nhất, Hội An là thị xã thuộc tỉnh [Quảng Nam - Đà Nẵng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam_-_%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng), gồm 3 phường: Cẩm Phô, Minh An, Sơn Phong và 6 xã: Cẩm An, Cẩm Châu, Cẩm Hà, Cẩm Kim, Cẩm Nam, Cẩm Thanh.
* Ngày [25 tháng 7](https://vi.wikipedia.org/wiki/25_th%C3%A1ng_7) năm [1978](https://vi.wikipedia.org/wiki/1978), thành lập xã Tân Hiệp trên cơ sở đảo [Cù Lao Chàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B9_Lao_Ch%C3%A0m).
* Ngày [6 tháng 11](https://vi.wikipedia.org/wiki/6_th%C3%A1ng_11) năm [1996](https://vi.wikipedia.org/wiki/1996), [Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam), khóa IX, kỳ họp thứ 10, phê chuẩn việc tách Quảng Nam – Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính cấp tỉnh là tỉnh [Quảng Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam) và thành phố [Đà Nẵng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng). Thị xã Hội An trực thuộc tỉnh Quảng Nam.
* Ngày [22 tháng 8](https://vi.wikipedia.org/wiki/22_th%C3%A1ng_8) năm [1998](https://vi.wikipedia.org/wiki/1998), Hội An được nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".
* Ngày [16 tháng 8](https://vi.wikipedia.org/wiki/16_th%C3%A1ng_8) năm [1999](https://vi.wikipedia.org/wiki/1999), Chính phủ ban hành Nghị định 71/1999/NĐ-CP. Theo đó:
* Thành lập phường Thanh Hà trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Cẩm Hà
* Thành lập phường Tân An trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của phường Cẩm Phô và xã Cẩm Hà.
* Ngày [12 tháng 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/12_th%C3%A1ng_1) năm [2004](https://vi.wikipedia.org/wiki/2004), chuyển xã Cẩm Châu thành phường Cẩm Châu; chia xã Cẩm An thành 2 phường: Cẩm An và Cửa Đại.
* Ngày [3 tháng 4](https://vi.wikipedia.org/wiki/3_th%C3%A1ng_4) năm [2006](https://vi.wikipedia.org/wiki/2006), Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 602/QĐ-BXD công nhận thị xã Hội An là [đô thị loại III](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4_th%E1%BB%8B_lo%E1%BA%A1i_III_(Vi%E1%BB%87t_Nam)).
* Ngày [8 tháng 3](https://vi.wikipedia.org/wiki/8_th%C3%A1ng_3) năm [2007](https://vi.wikipedia.org/wiki/2007), chuyển xã Cẩm Nam thành phường Cẩm Nam.
* Ngày [29 tháng 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/29_th%C3%A1ng_1) năm [2008](https://vi.wikipedia.org/wiki/2008), Chính phủ ban hành Nghị định 10/2008/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam trên cơ sở toàn bộ 6.146,88 ha diện tích tự nhiên và 121.716 người của thị xã Hội An.

1. **Các lối kiến trúc độc đáo:**
2. **Khu phố cổ:**

* Khu [phố cổ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BB%91_c%E1%BB%95) nằm trọn trong phường [Minh An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_An_(ph%C6%B0%E1%BB%9Dng)), diện tích khoảng 2 km², với những con đường ngắn và hẹp, có đoạn uốn lượn, chạy dọc ngang theo kiểu bàn cờ. Nằm sát với bờ sông là đường Bạch Đằng, tiếp đó tới đường Nguyễn Thái Học rồi đường Trần Phú nối liền với Nguyễn Thị Minh Khai bởi [Chùa Cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_C%E1%BA%A7u). Do địa hình khu phố nghiêng dần từ Bắc xuống Nam, các con đường ngang Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Hoàng Văn Thụ và Trần Quý Cáp hơi dốc dần lên nếu đi ngược vào phía sâu trong thành phố. Đường Trần Phú xưa kia là con đường chính của thị trấn, nối từ Chùa Cầu tới Hội quán Triều Châu. Vào thời [Pháp thuộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_thu%E1%BB%99c), đường này được mang tên Rue du Pont Japonnais, tức Phố cầu Nhật Bản. Ngày nay, đường Trần Phú rộng khoảng 5 mét với nhiều ngôi nhà không có phần hiên, kết quả của lần mở rộng khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Hai con đường Nguyễn Thái Học và Bạch Đằng hình thành muộn hơn, đều do bùn đất bồi lấp. Đường Nguyễn Thái Học xuất hiện năm 1840, sau đó được người Pháp đặt tên là Rue Cantonnais, tức Phố người Quảng Đông. Đường Bạch Đằng ra đời năm 1878, nằm sát bờ sông nên xưa kia từng có tên gọi là Đường Bờ Sông. Nằm sâu về phía thành phố, tiếp theo đường Trần Phú là đường Phan Chu Trinh, con đường mới được xây dựng thêm vào khoảng thời gian sau này. Trong khu phố cổ còn nhiều đường hẻm khác nằm vuông góc với đường chính kéo dài ra đến tận bờ sông.
* Đường Trần Phú là con đường chính, nơi tập trung nhiều nhất những công trình kiến trúc quan trọng, cũng như những ngôi nhà cổ điển hình cho kiến trúc Hội An. Nổi bật nhất trong số này là các [hội quán](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_qu%C3%A1n) do người Hoa xây dựng để tưởng nhớ đến quê hương của họ. Nếu bắt đầu từ [Chùa Cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_C%E1%BA%A7u), sẽ thấy năm hội quán trên đường Trần Phú, tất cả đều bên số chẵn: [Hội quán Quảng Đông](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%99i_qu%C3%A1n_Qu%E1%BA%A3ng_%C4%90%C3%B4ng&action=edit&redlink=1), Hội quán Trung Hoa, [Hội quán Phúc Kiến](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%99i_qu%C3%A1n_Ph%C3%BAc_Ki%E1%BA%BFn&action=edit&redlink=1), Hội quán Quỳnh Phủ và [Hội quán Triều Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_qu%C3%A1n_Tri%E1%BB%81u_Ch%C3%A2u_(H%E1%BB%99i_An)). Ở góc đường Trần Phú và Nguyễn Huệ là miếu Quan Công, di tích đặc trưng cho kiến trúc đền miếu của người [Minh Hương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_H%C6%B0%C6%A1ng) ở Việt Nam. Ngay sát miếu về phía Bắc, có thể thấy Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An, nguyên trước đây là ngôi chùa Quan Âm của dân làng Minh Hương. [Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_t%C3%A0ng_V%C4%83n_h%C3%B3a_Sa_Hu%E1%BB%B3nh) và [Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_t%C3%A0ng_G%E1%BB%91m_s%E1%BB%A9_M%E1%BA%ADu_d%E1%BB%8Bch) cũng nằm trên con đường này. Theo đường Trần Phú, đi qua Chùa Cầu sẽ dẫn tới đường Nguyễn Thị Minh Khai. Những ngôi nhà truyền thống ở đây được tu bổ và bảo tồn rất tốt, phần lối đi bộ hai bên được lát gạch đỏ, phía cuối đường là vị trí của đình Cẩm Phô. Phía Tây đường Nguyễn Thái Học có một dãy phố được hình thành bởi những ngôi nhà có kiến trúc mặt tiền kiểu Pháp, còn phần phía Đông là khu phố mua bán nhộn nhịp với những ngôi nhà kiểu hai tầng, diện tích lớn. Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An nằm ở số 33 của con đường này là ngôi nhà cổ lớn nhất khu phố cổ, có [chiều dài](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BB%81u_d%C3%A0i) 57 mét, chiều ngang 9 mét. Trong mùa mưa bão, đường Nguyễn Thái Học và khu vực xung quanh thường bị ngập lụt, dân cư phải sử dụng thuyền để đi mua sắm và đến các quán ăn. Khu phố phía Đông phố cổ từng là khu phố của [người Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Ph%C3%A1p). Trên đường Phan Bội Châu, dãy phố phía Tây được xây dựng san sát những ngôi nhà với mặt đứng kiểu châu Âu, đa số một tầng. Nơi đây từng là nhà ở của các công chức dưới [thời Pháp thuộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_thu%E1%BB%99c).

1. **Kiến trúc truyền thống:**

* Kiểu nhà ở phổ biến nhất ở Hội An chính là những ngôi nhà phố một hoặc hai tầng với đặc trưng chiều ngang hẹp, chiều sâu rất dài tạo nên kiểu nhà hình ống. Những vật liệu chính dùng để xây dựng nhà ở đây đều có sức chịu lực và độ bền cao do đặc điểm khí hậu khắc nghiệt và bão lụt hàng năm của vùng này. Thông thường, các ngôi nhà có kết cấu kiểu nhà khung gỗ, hai bên có tường [gạch](https://vi.wikipedia.org/wiki/G%E1%BA%A1ch_nung) ngăn cách. Khuôn viên trung bình của các ngôi nhà có chiều ngang khoảng 4 đến 8 [mét](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A9t), chiều sâu khoảng 10 đến 40 mét, biến thiên theo từng tuyến phố. Bố cục mặt bằng phổ biến của những ngôi nhà ở đây gồm: vỉa hè, hiên, nhà chính, nhà phụ, hiên, nhà cầu và sân trong, hiên, nhà sau ba gian, vườn sau. Thực chất, nhà phố ở Hội An bao gồm nhiều nếp nhà bố trí theo chiều sâu và cấu thành không gian kiến trúc gồm 3 phần: không gian buôn bán, không gian sinh hoạt và không gian thờ cúng. Cách phân chia này phù hợp với mặt bằng hẹp và kết hợp nhiều công năng của ngôi nhà. Có thể nhận thấy đây là một sản phẩm kiến trúc mang tính văn hóa khu vực.
* Ở không gian nhà chính, hệ thống 16 cây cột phân bố 4 x 4 tạo thành phân vị chiều ngang và chiều sâu theo cấu trúc 3 x 3 [gian](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gian&action=edit&redlink=1), trong đó 4 cột trung tâm cao hơn hẳn các cột còn lại. Đây chính là không gian dành cho buôn bán với gian đầu từ đường vào là chỗ bán hàng, gian kế tiếp là kho hàng hóa được ngăn bằng vách, gian thứ ba bố trí nhà thờ quay mặt vào bên trong. Điểm đặc biệt này là một đặc trưng rất quan trọng của nhà phố Hội An, dù đôi khi cũng có trường hợp [bàn thờ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0n_th%E1%BB%9D) quay ra phía đường. Bên cạnh các nhà chính phổ biến dạng 3 x 3 gian, một số ít ngôi nhà khác có nhà chính rộng hoặc hẹp hơn, kiểu 3 x 2 gian hoặc 3 x 5 gian. Không gian tiếp theo nhà chính là nhà phụ, thường thấy ở những ngôi nhà hai tầng có [chiều cao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BB%81u_cao) thấp. Khoảng không gian mở này vừa được tiếp nối với mặt đường, vừa tách biệt với những hoạt động buôn bán phía ngoài, lại có thể tiếp nhận [ánh sáng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%81nh_s%C3%A1ng) của sân trời, được dùng làm nơi gia chủ tiếp khách. Nhà cầu và sân trong là không gian được chia hai phần theo chiều dọc, có kết cấu độc lập với nhà trước và nhà sau, mang chức năng chuyển tiếp. Phần sân trời được lát [đá](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A1), trang trí bể nước, [non bộ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Non_b%E1%BB%99&action=edit&redlink=1), [cây cảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A2y_c%E1%BA%A3nh), giúp ngôi nhà thoáng và hòa hợp với thiên nhiên hơn. Ngược lại, phần nhà cầu có mái nối liền nhà trước với nhà sau thành một cơ cấu liên tục, rất phù hợp với điều kiện [khí hậu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%AD_h%E1%BA%ADu) nhiều [mưa](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C6%B0a) và nắng nóng ở đây. Dù trong bất kỳ điều kiện thời tiết nào, mọi sinh hoạt trong nhà vẫn có thể diễn ra bình thường. Nhà sau là không gian sinh hoạt của cả gia đình, được ngăn buồng bằng các vách gỗ. Phía sau nhà sau còn một khoảng không gian nữa, dành cho [bếp](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFp), nhà vệ sinh và các chức năng phụ khác. Đối với một ngôi nhà thông thường, không gian thờ cúng chỉ chiếm một phần nhỏ, nhưng luôn được dành riêng một vị trí quan trọng. Để các công năng buôn bán, vận chuyển hàng hóa, sinh hoạt không bị cản trở, ban thờ thường được chuyển lên gác lửng. Ở những ngôi nhà một tầng, ban thờ được đặt ở phần mái phụ của nhà trước hoặc trung tâm nhà sau. Trong những ngôi nhà hai tầng, toàn bộ tầng hai của nhà chính thường được dùng làm kho hàng và ban thờ cũng được bố trí ở tầng này.
* Những ngôi nhà ở Hội An hầu hết được làm theo dạng hai mái, đa số nhà chính và nhà phụ không chung một mái mà là hai nếp mái kế tiếp nhau. Rất ít trường hợp mái nhà chính phủ lên cả phần nhà phụ. Ngược lại, đa số nhà cầu được lợp theo kiểu bốn mái. Trên mặt bằng tổng thể thì nhà trước, nhà cầu và nhà sau được lợp bằng những mái riêng biệt. [Ngói](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B3i) ở Hội An là loại ngói làm từ đất, mỏng, nung thô, mang hình vuông, mỗi cạnh khoảng 22 cm và có dạng hơi cong. Khi lợp, đầu tiên người ta xếp một hàng ngói ngửa lên và sau đó tiếp tới một hàng ngói úp xuống. Cách lợp này được gọi là kiểu lợp ngói âm dương. Khi lợp xong mái, các viên ngói được cố định bằng [vữa](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%AFa), tạo thành những dải ngói nhô lên dọc xuôi theo mái, khiến toàn bộ mái toát nên một vẻ cứng cáp, mạnh mẽ. Ở trên đỉnh mái, phần nóc mái được xây cao lên hình chữ nhật như một cái hộp, cũng có một số trường hợp hai bên tường hồi cũng được xây cao hẳn làm cho toàn bộ tổng thể dường như bị mất cân đối. Hình thức và cách trang trí của tường hồi luôn gây một ấn tượng mạnh và là yếu tố tạo ra giá trị rất riêng của phố cổ Hội An.

1. **Các loại hình di tích kiến trúc:**

* Mặc dù phần lớn các ngôi nhà phố của Hội An ngày nay được hình thành vào [thời kỳ thuộc địa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_bang_%C4%90%C3%B4ng_D%C6%B0%C6%A1ng), nhưng trong khu phố cổ vẫn gìn giữ được nhiều di tích phản ánh các giai đoạn lịch sử hình thành, hưng hịnh và suy tàn của đô thị. Các loại hình kiến trúc từ thế kỷ 16 đến đầu [thế kỷ 18](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_18) thường mang chức năng có bản, bị tác động bởi nền kinh tế, yếu tố cảng thị của Hội An khi đó. Tiêu biểu cho giai đoạn này là những bến thuyền, giếng nước, [chùa chiền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a), đền miếu, cầu, mộ, những nhà thờ tộc và các thương điếm. Từ thế kỷ 18, Hội An không còn vị trí thương cảng bậc nhất nữa. Thời kỳ này xuất hiện phổ biến những [văn miếu](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_mi%E1%BA%BFu), [văn chỉ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%83n_ch%E1%BB%89&action=edit&redlink=1), [đình](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%ACnh), [nhà thờ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_th%E1%BB%9D) và đặc biệt là các hội quán. Qua sự phân bố, quy mô, hình thức, chức năng của các công trình kiến trúc, có thể thấy sự chuyển đổi của Hội An trong giai đoạn này. Thời kỳ Pháp thuộc, cũng như nhiều đô thị khác của Việt Nam, Hội An chịu ảnh hưởng sâu đậm của [kiến trúc Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Ph%C3%A1p). Những ngôi nhà mang phong cách thuộc địa xuất hiện nhiều và tập trung trên một tuyến phố. Sự đan xen phong cách kiến trúc Pháp giữa những ngôi nhà cổ truyến thống là hệ quả của một lối sống phương Tây đã xuất hiện trong đời sống của cư dân Hội An. Các công trình thời kỳ này giữ được vẻ hài hòa trong ngôn ngữ kiến trúc, mềm dẻo trong trang trí, phù hợp với không gian đô thị, mang lại cho Hội An một dáng vẻ mới. Theo thống kê tháng 12 năm 2000, Di sản thế giới Hội An có 1360 di tích gồm 1068 nhà cổ, 11 giếng nước cổ, 38 nhà thờ tộc, 19 ngôi chùa, 43 miếu thờ thần, 23 đình, 44 mộ cổ loại đặc biệt và 1 cây cầu. Khoảng hơn 1100 di tích trong số này nằm trong khu vực đô thị cổ.

**C1) Chùa, đền miếu:**

* Hội An từng là một trung tâm của [Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o) sớm của [Đàng Trong](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0ng_Trong) với đa số các ngôi chùa theo dòng [Phật giáo Nam truyền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Nam_truy%E1%BB%81n). Nhiều ngôi chùa ở đây có niên đại khởi dựng khá sớm, nhưng hầu hết kiến trúc gốc đã bị thay đổi, thậm chí mai một qua những biến thiên của lịch sử và những lần trùng tu. Ngôi chùa sớm nhất được biết đến là chùa Chúc Thánh, tương truyền có gốc gác từ năm 1454, nằm cách trung tâm khu phố cổ khoảng 2 km về phía Bắc. Nơi đây vẫn lưu giữ nhiều di vật, tượng thờ, bia ký liên quan đến quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo ở Đàng Trong. Ngoại ô khu phố cổ còn nhiều ngôi chùa khác như Phước Lâm, Vạn Đức, Kim Bửu, Viên Giác... mang niên đại muộn hơn. Giai đoạn đầu thế kỷ 20 cũng là thời kỳ ra đời của nhiều ngôi chùa mới, nổi bật trong số này là chùa Long Tuyền hoàn thành vào năm 1909. Bên cạnh những ngôi chùa tách khỏi làng xóm, nằm ven những dòng chảy cổ, ở Hội An còn có các ngôi chùa làng gắn với những quần cư như một thành phần hữu cơ của tổng thể làng xóm. Điều này phản ánh giới tu hành gắn bó với thế tục và chứng tỏ Minh Hương Xã ở đây đã có một thiết chế văn hóa sinh hoạt cộng đồng khá mạnh. Trong khu phố cổ, Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An nguyên trước đây là ngôi chùa thờ Phật bà Quan Âm do người Việt và người Minh Hương khởi dựng vào khoảng thế kỷ 17.
* Các công trình đền miếu ở Hội An mang chức năng chính là nơi thờ cúng các vị tiên hiền có công sáng lập phố, hội và Minh Hương Xã. Loại hình kiến trúc này thường có hình thức đơn giản, nằm ngay trong làng xóm, bố cục mặt bằng 1 x 3 gian tường gạch chịu lửa, mái ngói âm dương với ban thờ được đặt ở gian chính giữa. Tiêu biểu nhất cho loại hình kiến trúc này chính là miếu Quan Công, còn được gọi là Chùa Ông, nằm trong trung tâm khu phố cổ, số 24 đường Trần Phú. Công trình được người Minh Hương và người Việt khởi dựng vào năm 1653, thờ [Quan Công](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_V%C5%A9), vị tướng thời [Tam Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_Qu%E1%BB%91c), biểu tượng của trung hiếu, tiết nghĩa. Tuy đã qua nhiều lần trùng tu, miếu Quan Công vẫn không mất đi dáng vẻ ban đầu. Toàn bộ miếu bao gồm nhiều nếp nhà với các mái lợp bằng ngói ống men màu xanh lục, kết cấu gồm ba phần: tiền sảnh, sân trời và hậu sảnh. Ở phần tiền sảnh, công trình nổi bật với màu sơn đỏ, những trang trí cầu kỳ, mái ngói vững trãi và hai cánh cửa chính lớn chạm nổi đôi rồng màu xanh đang uốn mình trong mây. Hai bên, sát với tường là chiếc [chuông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chu%C3%B4ng) đồng nặng trên nửa tấn và chiếc trống lớn đặt trên giá gỗ do vua [Bảo Đại](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_%C4%90%E1%BA%A1i) ban tặng. Tiếp đó đến phần sân trời, khoảng trống lộ thiên trang chí các hòn [non bộ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Non_b%E1%BB%99&action=edit&redlink=1), tạo cho miếu vẻ sáng sủa, thoáng mát. Hai bên sân trời là hai nếp nhà dọc Đông, Tây. Một bia gắn vào tường nhà Đông ghi lại lần trùng tu miếu đầu tiên vào năm 1753. Chính điện nằm ở hậu sảnh, nếp nhà sau cùng, là nơi đặt hương án thờ Quan Công. Tượng Quan Công cao gần 3 mét, mặt đỏ, mắt phượng, râu dài, mặc áo bào màu xanh lục, tọa trên mình con ngựa bạch đang quỳ. Hai bên là tượng [Quan Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_B%C3%ACnh) và Châu Thương, hai người con nuôi, cũng là hai võ quan trung thành của Quan Công. Trước đây, miếu Quan Công là trung tâm tín ngưỡng của các thương gia Hội An, nơi chứng giám, tạo niềm tin cho các thương gia trong những cuộc giao kèo thương mại. Ngày nay, vào ngày 13 tháng 1 và 24 tháng 6 âm lịch hàng năm, lễ hội Chùa Ông được tổ chức thu hút rất đông tín đồ và dân chúng tới dự.

**C2) Hội quán:**

* Một trong những đặc tính nổi trội của người Hoa là bất cứ nơi cư trú nào của họ ở ngoại quốc đều có các hội quán, sản phẩm sinh hoạt cộng đồng dựa trên cơ sở những người đồng hương. Tại Hội An ngày nay vẫn tồn tại 5 hội quán tương ứng với 5 bộ phận dân cư Hoa kiều lớn ở đây: Phúc Kiến, Trung Hoa (Hội quán Ngũ Bang), [Triều Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_qu%C3%A1n_Tri%E1%BB%81u_Ch%C3%A2u_(H%E1%BB%99i_An)), Quỳnh Phủ và Quảng Đông. Các hội quán này có quy mô khá lớn, đều nằm trên trục phố Trần Phú và thống nhất hướng chính ra sông Thu Bồn. Về hình thức, các hội quán ở Hội An được xây dựng theo một nguyên mẫu các hội quán vẫn thường gặp ở những đô thị cổ khác. Đó là một tổng thể bao gồm: cổng lớn phía trước, tiếp đến một khoảng sân rộng có trang trí cây cảnh, non bộ và hai nhà phụ thờ Tả thần và Hữu thần, sau đó là phương đình, nơi tiến hành các nghi lễ, kết thúc bởi nhà thờ, kiến trúc lớn nhất của tổng thể. Các hội quán đều được trang trí cầu kỳ, tỷ mỷ với bộ khung gỗ được chạm trổ, sơn son thếp vàng, phần mái tô điểm các con thú bằng sành [tráng men](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C3%A1ng_men&action=edit&redlink=1) nhiều màu. Ngày nay, các hội quán tuy đã bị thay đổi sửa chữa nhiều, nhưng bộ khung gỗ vẫn bảo lưu được nhiều yếu tố gốc. Ngoài chức năng duy trì sinh hoạt cộng đồng, hội quán còn một chức năng quan trọng khác, đó là tín ngưỡng. Tùy theo tục quán tín ngưỡng của từng cộng đồng mà hội quán lấy cơ sở để thờ phụng.
* Trong năm hội quán ở Hội An, Phúc Kiến là hội quán lớn nhất, nằm ở số 46 đường Trần Phú. Buổi ban đầu, nơi đây chỉ là một ngôi chùa lợp [tranh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tranh) do người Việt dựng vào năm 1697 để thờ [Phật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt). Qua thời gian, ngôi chùa bị hư hỏng và người Việt không đủ khả năng để sửa chữa. Những thương nhân Phúc Kiến mua lại ngôi chùa vào năm 1759 và sau nhiều lần trùng tu, năm 1792 đổi thành Hội quán Phúc Kiến. Công trình có kiến trúc theo kiểu chữ Tam, kéo dài từ đường Trần Phú đến đường Phan Chu Trinh, theo thứ tự: [cổng tam quan](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%95ng_tam_quan), sân, hai dãy nhà Đông Tây, chính điện, sân sau và hậu điện. Cổng tam quan của hội quán mới được xây dựng trong lần trùng tu lớn đầu thập niên 1970. Chiếc cổng có một hệ mái ngoạn mục gồm 7 mái lợp ngói ống men xanh uốn lượn, xếp nối nhau thấp dần xuống, cân xứng giữa hai bên. Phía cao của cổng, dưới tầng mái trên, một tấm bảng trắng có ghi ba [chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n) màu đỏ "Kim Sơn Tự". Phía dưới tầng mái dưới cũng có một tấm biển đá xanh đề bốn chữ Hán màu đỏ "Hội quán Phúc Kiến". Hai bức tường hai bên cổng tam quan ngăn cách sân trong của hội quán với một sân bên ngoài. Phần chính điện của hội quán được trang trí những cây cột màu [đỏ son](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%8F_son), treo những đôi liễn gỗ ca tụng [Thiên Hậu Thánh Mẫu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%C3%AAn_H%E1%BA%ADu_Th%C3%A1nh_m%E1%BA%ABu). Chính điện thờ tượng [Quan Thế Âm Bồ Tát](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_%C3%82m) đang ngồi [thiền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n_trong_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o), phía trước là một [lư](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=L%C6%B0&action=edit&redlink=1) hương lớn. Hai bên hương án sẽ thấy hai bức tượng Thiên Lý Nhãn và Thượng Phong Nhĩ, hai vị thần phụ tá cho Thiên Hậu cứu giúp các thuyền buôn người Hoa gặp nạn.[[75]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BB%91_c%E1%BB%95_H%E1%BB%99i_An#cite_note-75) Tiếp theo chính điện, băng qua sân sau sẽ tới hậu điện. Ở đây phần chính giữa được dành để thờ sáu vị tướng nhà Minh người Phúc Kiến, bên trái là ban thờ 3 bà chúa Sanh Thai và 12 bà mụ, bên phải là ban thờ [Thần Tài](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n_T%C3%A0i). Ngoài ra, hậu điện còn thờ những người đã có công đóng góp tiền của xây dựng hội quán và chùa Kim Sơn.[[76]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BB%91_c%E1%BB%95_H%E1%BB%99i_An#cite_note-76) Hàng năm, vào ngày 23 tháng 3 [âm lịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%82m_l%E1%BB%8Bch), lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu được người Hoa tổ chức với nhiều hoạt động như [múa lân](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%BAa_l%C3%A2n_-_s%C6%B0_-_r%E1%BB%93ng), bán pháo hoa, xộ cỗ, xin lộc... thu hút nhiều người dân Hội An và những vùng khác đến tham dự.

**C3) Nhà thờ tộc:**

* Tại Hội An, cũng như nhiều địa phương khác của Việt Nam, các dòng họ đều có nơi thờ cúng tổ tiên, được gọi là miếu tộc hay [nhà thờ họ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_th%E1%BB%9D_h%E1%BB%8D). Đây là một dạng kiến trúc nhà ở đặc biệt, của những dòng họ lớn có công lập làng dựng phố từ thời kỳ sơ khai của Hội An và truyền lại cho con cháu làm nơi thờ tự tổ tiên. Những dòng họ nhỏ, nhà thờ họ kết hợp với nhà ở của vị trưởng họ có nguồn gốc từ Trung Hoa. Hậu duệ về sau có trách nhiệm hương khói và tu sửa kiến trúc tùy theo tình trạng ngôi nhà. Phần lớn các nhà thờ họ tập trung ở khoảng giữa hai đường Phan Chu Trinh và Lê Lợi, một số ít rải rác trên đường Nguyễn Thị Minh Khai hay nằm ngay sau những ngôi nhà phố trên đường Trần Phú. Các nhà thờ tộc có niên đại sớm nhất hầu hết của người Hoa kiều, vào đầu thế kỷ 17, số có niên đại thế kỷ 18 chỉ chiếm một phần nhỏ. Khác với những nhà thờ tộc ở thôn quê, nhà thờ họ ở Hội An thường mang phong cách đô thị. Vì là nơi thờ tự nên nhà thờ tộc được xây dựng theo dạng khuôn viên, có bố cục và kết cấu chặt chẽ, bao gồm cả sân vườn, cổng, tường rào, nhà phụ... Nhiều nhà thờ họ ở đây có quy mô và kiến trúc rất đẹp, như nhà thờ tộc Trần, nhà thờ tộc Trương, nhà thờ tộc Nguyễn hay nhà thờ Tiền hiền Minh Hương.
* Nhà thờ tộc Trần nằm ở số 21 đường Lê Lợi, được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Cũng giống như các nhà tộc khác ở Hội An, nhà thờ tọa sâu trong một khuôn viên rộng khoảng 1500 m², tường cao bao quanh, sân trước trồng cây cảnh, hoa, cây ăn quả. Ngôi nhà có kiến trúc chịu ảnh hưởng từ Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam, dựng từ gỗ quý, 3 gian 2 nếp, mái dốc lợp ngói âm dương. Không gian trong nhà được chia làm hai phần, phần chính để thờ cúng, phần phụ là nơi ở của vị trưởng tộc và tiếp khách. Gian thờ cúng có ba cửa ra vào, trong đó cửa bên phải dành cho nữ, bên trái dành cho nam, cửa chính ở giữa dành cho những người cao tuổi có vai vế trong họ và chỉ mở vào dịp lễ tết. Trên bàn thờ, các hộp nhỏ đựng di vật và tiểu sử những người họ Trần xếp theo vai vế trong dòng tộc. Trong ngày lễ hay [giỗ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BB%97) kỵ, vị trưởng tộc sẽ mở những hộp gỗ này để tưởng nhớ đến người quá cố. Phía sau ngôi từ đường có một vạt đất cao dùng để chôn những núm [nhau](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nhau&action=edit&redlink=1) của các thành viên trong tộc khi sinh ra. Cũng trên vạt đất này, phía sau còn trồng một cây [khế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BA%BF), tượng trưng cho sự gắn bó với quê hương đất tổ của các thế hệ con cháu trong họ.

**C4) Chùa Cầu:**

* Chiếc cầu cổ duy nhất còn lại ở Hội An ngày nay là [Chùa Cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_C%E1%BA%A7u), còn có tên gọi khác là Cầu Nhật Bản. Cây cầu này dài khoảng 18 [mét](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A9t), bắc qua một lạch nước nhỏ chảy ra [sông Thu Bồn](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_Thu_B%E1%BB%93n), nối liền đường [Trần Phú](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Ph%C3%BA) với đường [Nguyễn Thị Minh Khai](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Th%E1%BB%8B_Minh_Khai). Theo sự tích kể lại thì Cầu Nhật Bản được xây dựng vào năm 1593, nhưng không có một cơ sở chính xác nào để khẳng định điều này. Trong Thiên Nam tứ chí lộ đồ năm [1630](https://vi.wikipedia.org/wiki/1630), cái tên "Hội An Kiều" và hình ảnh một cây cầu có mái đã xuất hiện. Nhà sư [Thích Đại Sán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A1ch_Li%C3%AAm) cũng nhắc tới cái tên "Nhật Bản Kiều" trong cuốn Hải ngoại ký sự năm [1695](https://vi.wikipedia.org/wiki/1695). Trải qua rất nhiều lần trùng tu, hình dáng cây cầu đã bị thay đổi nhiều, dáng vẻ ngày nay được hình thành trong những lần sửa chữa vào [thế kỷ 18](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_18) và [19](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19). Những trang trí bằng mảnh sứ [tráng men](https://vi.wikipedia.org/wiki/Men_g%E1%BB%91m) hay đĩa sứ là biểu hiện đặc trưng của kiến trúc thời Nguyễn.
* Cầu Nhật Bản có một kiến trúc khá độc đáo, kiểu thượng gia hạ kiều, tức trên là nhà dưới là cầu, một loại hình kiến trúc khá phổ biến ở những quốc gia [châu Á](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C3%81) nhiệt đới. Dù mang tên Cầu Nhật Bản nhưng sau nhiều lần trùng tu, thật khó có thể tìm thấy một chút dấu tích kiến trúc Nhật Bản trên cây cầu này. Nhìn từ bên ngoài, cây cầu nổi bật nhờ hệ mái cong mềm mại nâng đỡ bởi một hệ thống kết cấu [gỗ](https://vi.wikipedia.org/wiki/G%E1%BB%97), và phần móng được làm bằng vòm trụ [đá](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A1). Mặt cầu vồng lên kiểu cầu vồng, được lát ván làm lối qua lại, hai bên có bệ gỗ nhỏ, trước kia làm nơi bày hàng buôn bán. Gắn liền với cầu về phía thượng nguồn là một [ngôi chùa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a) rất nhỏ thờ Huyền Thiên đại đế, xây dựng sau cầu khoảng nửa thế kỷ. Ngôi chùa nằm ngay cạnh cầu, ngăn cách bởi một lớp vách gỗ và bộ cửa "thượng song hạ bản", tạo không gian riêng biệt. Trên cửa chùa treo bức hoành màu đỏ với ba chữ "Lai Viễn Kiều" do chúa [Nguyễn Phúc Chu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Ph%C3%BAc_Chu) ban tặng vào năm [1719](https://vi.wikipedia.org/wiki/1719) với ý nghĩa cây cầu của những người bạn từ phương xa đến. Ở mỗi đầu cầu, hai bên lối đi đều có hai bức tượng thú, một bên tượng [khỉ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%89), bên kia tượng [chó](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B3). Các tượng đều được chạm bằng gỗ [mít](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%ADt) trong tư thế ngôi chầu, phía trước mỗi tượng có một bát [nhang](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0%C6%A1ng_(t%E1%BA%BF_l%E1%BB%85)). Theo truyền thuyết, con thủy quái Mamazu có đầu nằm ở Nhật Bản, đuôi ở [Ấn Độ Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99_D%C6%B0%C6%A1ng) và thân thì ở Việt Nam, mỗi khi cựa mình sẽ gây ra động đất, thiên tai, lũ lụt. Vì vậy những người Nhật đã xây dựng cây cầu cùng tượng Thần Khỉ và Thần Chó để trấn yểm con quái vật. Một thuyết khác cho rằng những bức tượng khỉ và chó xuất hiện trên cầu vì công trình này được khởi dựng vào năm Thân, hoàn thành vào năm Tuất. Cây cầu nhỏ này ngày nay đã trở thành biểu tượng của thành phố Hội An.

1. **Ẩm thực:**

* Với vị trí vùng cửa sông ven biển, nơi gặp nhau của các tuyến giao thông đường thủy và cũng là nơi hội tụ về kinh tế, văn hóa liên tục trong nhiều thế kỷ, Hội An có được một nền [ẩm thực](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A8m_th%E1%BB%B1c) đa dạng và mang những sắc thái riêng biệt. Vùng đất nơi đây không có được những cách đồng rộng lớn như [đồng bằng sông Cửu Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long) hay [đồng bằng sông Hồng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_H%E1%BB%93ng), nhưng bù lại Hội An có các cồn bãi ven sông màu mỡ và những thửa ruộng hẹp giàu [phù sa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B9_sa). Môi trường sông biển này đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày, phong tục tập quán, lối sống của cư dân địa phương, trong đó có thói quen ẩm thực. Trong bữa ăn hàng ngày của người dân Hội An, thủy hải sản luôn chiếm một phần lớn, còn ngoài [chợ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A3), số lượng [tôm](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4m_th%E1%BB%B1c_s%E1%BB%B1) [cua](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A2n_th%E1%BB%A9_b%E1%BB%99_Cua) [cá](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1) được tiêu thụ thường gấp đôi số lượng [thịt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%8Bt). Cá trở thành một món ăn không thể thiếu trong khẩu phần hàng ngày của dân cư Hội An và người ta quen gọi khu vực bày bán thức ăn là chợ cá. Ngày nay tại Hội An vẫn lưu truyền một số thói quen, tập quán ẩm thực của một số gia đình người Hoa. Vào những dịp lễ tết, các dịp hôn hỉ, họ thường nấu một số món ăn riêng như bún xào Phước Kiến, cơm Dương Châu, kim tiền kê, phạch xồi... để cùng nhau thưởng thức, cũng là dịp nhớ lại nguồn gốc dân tộc. Những người Hoa đã góp phần đáng kể làm nên sự phong phú của ẩm thực Hội An, cũng là tác giả của nhiều món đặc sản chỉ có ở đây.

1. **Cao lầu:**

* Một trong những món ăn tiêu biểu của ẩm thực Hội An là món [cao lầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_l%E1%BA%A7u). Nguồn gốc món ăn, cùng như cái tên Cao lầu, ngày nay rất khó xác định. Những Hoa kiều ở Hội An không công nhận đây là món ăn của họ. Một số nhà nghiên cứu Nhật Bản cho rằng cao lầu có nét giống món mỳ ở vùng Ise, nhưng trên thực tế hương vị và cách chế biến của cao lâu khác món mỳ này. Sợi cao lầu được chế biến rất công phu. Người ta ngâm [gạo](https://vi.wikipedia.org/wiki/G%E1%BA%A1o) và nước trong được lọc kỹ, sau đó xay thành nước bột. Bột được dùng vải bòng nhiều lần để khô, dẻo rồi cán thành miếng vừa cỡ và cắt thành con mỳ. Cao lầu không cần nước lèo, nước nhân, thay vào đó là thịt xíu, nước xíu, [tép mỡ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A9p_m%E1%BB%A1) và để bớt béo người ta dùng kèm với giá trụng, rau sống. Khi bán, người ta trần mỳ, giá đổ ra bát và thêm mấy lát thịt xíu hoặc [thịt ba chỉ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%8Bt_ba_ch%E1%BB%89), đổ tép mỡ, thêm một muỗng mỡ heo rán sẵn ở lò bên. Trước đây ở Hội An có các tiệm cao lầu ông Cảnh, Năm Cơ từng đi vào câu ca dao: Hội An có [Hạ Uy Di](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hawaii). Chùa Cầu, Âm Bổn, cao lầu Năm Cơ.

**b) Mỳ Quảng:**

* Món mỳ này có nguồn gốc xuất phát từ Quảng Nam. Mỳ Quảng cũng như phở, bún đều được chế biến từ gạo nhưng lại có sắc thái và hương vị rất riêng biệt. Để làm mỳ, người ta dùng gạo tốt ngâm nước cho mềm, đem xay thành bột nước mịn rồi pha thêm phèn sa để sợi mỳ giòn, cứng, đem tráng thành lá mỳ. Khi mỳ chín được vớt ra đặt lên vỉ cho nguội, thoa sơ một lớp mỡ cho mỳ khỏi dính rồi cắt thành sợi. Nước nhân mỳ được làm bằng tôm, thịt lợn hoặc thịt gà, có khi được làm bằng cá lóc, thịt bò. Nước nhân mỳ không cần nhiều màu mè, không nhiều gia vị mà phải trong và có vị ngọt. Ở Hội An, mỳ Quảng được bán khắp nơi, từ các quán ăn thành thị đến những hàng quán ở thôn quê, đặc biệt là những quán mỳ trên hè phố.

**c) Bánh bao, bánh vạc:**

* [Bánh bao, bánh vạc](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1nh_bao,_b%C3%A1nh_v%E1%BA%A1c) là một trong những món ăn sang trọng, ngon và lạ của phố cổ Hội An. Bánh bao, bánh vạc thường đi đôi với nhau, cả hai đều được làm bằng nguyên liệu chính là bột gạo. Ngay từ khâu chọn gạo đã thấy bánh bao bánh vạc là loại bánh kén chọn nguyên liệu. Bột gạo làm bánh phải lấy từ loại gạo thơm ngon, mua về sàng sảy kỹ rồi cho vào nước và xay thành bột. Nước dùng để xay phải trong, không nhiễm mặn, nhiễm phèn, thường là nước từ giếng cổ Bá Lễ. Sau nhiều lần chắt lọc, bột được vê lại và để trong một chiếc thau sạch. Cùng với việc chế biến bột, người thợ tiến hành làm nhân bánh, gia chế hành, khử vàng hành dùng trải trên bánh trước khi ăn. Nhân bánh được chia làm hai loại, nhân bánh bao và nhân bánh vạc. Nhân bánh bao chủ yếu gồm tôm và gia vị được pha trộn và giã nhiều lần trong cối. Nhân bánh vạc hơi khác và phong phú hơn, ngoài chả tôm còn có giá hột, [nấm mèo](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%E1%BA%A5m_m%C3%A8o), măng tre, thịt heo thái hình hạt lựu, lá [hành](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh). Tất cả hỗn hợp nhân này được cho vào xoong và xào với [muối](https://vi.wikipedia.org/wiki/Mu%E1%BB%91i_%C4%83n), [mắm](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C6%B0%E1%BB%9Bc_m%E1%BA%AFm). Bắt đầu vào công đoạn chế biến bánh, cả bánh bao và bánh vạc được làm song song, thường có từ 2 đến 4 thợ làm bánh. Bánh bao được làm với lớp bột thật mỏng, cách điệu như những cánh [hoa hồng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_h%E1%BB%93ng). Bánh vạc lớn hơn bánh bao, trông giống hình quai vạc. Khi làm xong, bánh được [chưng cách thủy](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C6%B0ng_c%C3%A1ch_th%E1%BB%A7y&action=edit&redlink=1) trên bếp, khoảng chừng 10 đến 15 phút là chín. Lúc ăn, hai loại bánh được dùng chung với nhau, nhưng thực khách có thể chọn bánh bao bánh vạc tùy thích. Những chiếc bánh được bày cầu kỳ, bánh bao xếp ở giữa và bên trên, bánh vạc xếp xung quanh và bên dưới. Bánh xếp xong được trải lớp hành phi vàng, kế đó rưới thêm một muỗng dầu phụng khử chín. Bánh bao, bánh vạc được dùng với nước chấm riêng, pha chế từ [nước mắm](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C6%B0%E1%BB%9Bc_m%E1%BA%AFm), có vị ngọt của thịt tôm, có vị chua của chanh và vị cay nồng của những lát [ớt](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%9At) vàng được xắt khéo léo.
* Không chỉ có những món ăn ngon, phong phú, các hàng quán ở Hội An còn có cách bài trí, phục vụ mang những nét riêng. Những nhà hàng trong khu phố cổ thường treo một vài bức tranh xưa, xung quanh trang trí chậu hoa, cây cảnh hoặc đồ mỹ nghệ. Một số hàng quán còn có thêm hồ cá, [hòn non bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B2n_non_b%E1%BB%99)... tạo sự thư giãn, thoải mái cho thực khách. Tên những nhà hàng cũng mang tính truyền thống, được kế thừa từ đời này sang đời khác. Bên cạnh ẩm thực truyền thống, một số món ăn, thói quen xuất phát từ Pháp, Nhật và phương Tây vẫn được duy trì và phát triển, góp phần làm phong phú nếp ẩm thực của Hội An, phục vụ nhu cầu đa dạng của những du khách.

1. **Văn hóa – con người:**

* So với các đô thị khác của Việt Nam, Hội An có những đặc điểm lịch sử và địa lý nhân văn rất riêng biệt. Mảnh đất nơi đây có một lịch sử lâu đời và là nơi gặp gỡ, giao thoa của nhiều nền văn hóa. Đặc điểm đầu tiên có thể nhận thấy ở văn hóa Hội An chính là tính đa dạng. Những người Việt vào cư trú ở Hội An từ cuối thế kỷ 15 chung sống hòa bình với bộ phận dân cư người Chăm vẫn định cư rất lâu từ trước đó. Khi Hội An trở thành thương cảng quốc tế sầm uất, nơi đây đã tiếp nhận nhiều cư dân mới đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Điều này giúp cho Hội An có được một nền văn hóa nhiều tầng, nhiều lớp và đa dạng, thể hiện ở tất cả các hình thái văn hóa phi vật thể như phong tục tập quán, văn học dân gian, ẩm thực, lễ hội... Một đặc điểm nổi bật khác của văn hóa Hội An là tính bình dân. Khác với [Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF), kinh thành cũ, nơi nhiều di sản văn hóa mang tính chất cung đình, hệ thống di tích của Hội An là những thiết chế văn hóa cổ truyền của cuộc sống đời thường. Ở Hội An, văn hóa phi vật thể vẫn đang sống và tương thích với hình thái văn hóa vật thể.

1. **Địa điểm du lịch:**

* Hiện nay chính quyền sở tại đang tích cực khôi phục các di tích, đồng thời phát triển thành một thành phố du lịch, nổi bật hơn cả là những làng nghề truyền thống của địa phương

1. **Làng mộc Kim Bồng**

* Làng mộc Kim Bồng thuộc xã Cẩm Kim nằm bên kia sông Hội An. Làng Kim Bồng đã nổi tiếng rất lâu với nghề chạm trổ, điêu khắc gỗ.
* Nghề Mộc của Làng có nguồn gốc từ miền Bắc. Qua quá trình giao lưu, các nghệ nhân mộc Kim Bồng đã tiếp thu một số nét tinh hoa của các truyền thống điêu khắc chạm trổ Chiêm Thành, Trung Hoa, Nhật Bản… kết hợp với tài hoa điệu nghệ của mình đã làm nên những sản phẩm mang đầy tính mỹ thuật và triết học.Làng vốn rất nổi tiếng về nghề mộc của mình vì hầu hết các kiến trúc cổ kính của Hội An đều do bàn tay tài hoa của cha ông họ dựng nên từ những ngày vàng son của thương cảng mậu dịch quốc tế Hội An.

1. **Làng gốm Thanh Hà**

* Làng gốm Thanh Hà với quá trình phát triển 500 năm, thế mà có lúc người ta đã quên mất rằng Thanh Hà có nghề làm gốm rất độc đáo. Thế nhưng với tâm huyết của những người cao niên trong làng, gốm Thanh Hà lại dần được phục hồi.
* Nằm cách Hội An 1,5 km về hướng Tây, vào thế kỷ XVI, XVII, Thanh Hà là một ngôi làng rất thịnh đạt, nổi tiếng về các mặt hàng gốm, đất nung được trao đổi, bán buôn khắp các tỉnh miền Trung Việt Nam. Nghề gốm của làng có nguồn gốc xuất xứ từ Thanh Hóa, sau khi đã tiếp thu được một số vốn luyến kỹ thuật thì làng đã hình thành một làng gốm như ngày nay.

1. **Làng rau Trà Quế**

* Nằm cách trung tâm Hội An khoảng 3 km về hướng Tây bắc và cách TP Đà Nẵng chưa đến 20 km về phía Nam, làng rau Trà Quế hiện có 220 hộ gia đình làm nghề nông nghiệp, trong đó có 130 hộ chuyên trồng rau luân canh, xen canh trên diện tích 40 héc ta. Từ xưa đến nay, làng rau Trà Quế nổi tiếng vì có trên 20 chủng loại rau ăn lá và rau gia vị, đặc biệt là có nhiều loại rau không nơi nào thơm ngon bằng như húng, é, tía tô… Khi trộn lẫn các loại rau vào nhau sẽ hội đủ 5 vị cay, chua, ngọt, đắng, chát.

1. **Làng đúc đồng Phước Kiều**

* Làng nghề nằm dọc theo Quốc lộ 1, xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Từ phố cổ Hội An đi khoảng 30 phút ra Quốc lộ 1, đến xã Điện Phương, gần cầu Câu Lâu cũ.
* Làng đúc đồng Phước Kiều là một trong số những làng nghề truyền thống nổi tiếng đất Quảng Nam.
* Đi dọc theo Quốc lộ 1 thuộc địa phận xã Điện Phương, dọc hai bên đường du khách có thể nhìn thấy rất nhiều các cửa hàng trưng bày rất nhiều sản phẩm của làng nghề rất tinh xảo và mang đầy tính chất dân tộc.
* Theo ghi chép lịch sử (Việt Nam gia phả), làng nghề được hình thành từ thế kỷ thứ XVI, khi ông Dương Không Lộ, quê xã Đề Kiều, Tổng Bình Quân, châu Thất Truyền, phủ Tường Khánh, tỉnh Lạng Sơn; Trên bước đường đi làm ăn đã đặt chân đến phủ Điện Bàn khai khẩn 10 mẫu đất hoang để làm nghề đúc đồng, đổi tên là làng Phước Kiều. Và từ đó đến này cùng với bao biến động, thăng trầm của đất nước làng nghề vẫn được duy trì và phát triển cho đến ngày nay.